TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẠM TẤU** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST.
Ngày 19-4-2023.
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẠM TẤU, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thào A Trư;

2. Ông Giàng A Tạng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Hờ Say - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa*:** Bà Hà Thị Huế - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2023, về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trang Thị C, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn M, xã B, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái; "Có mặt".

2. Bị đơn: Giàng A X, sinh năm 1984.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn P, xã P, huyện T, tỉnh Yên Bái.

Hiện đang chấp hành án tại: Đội 27, phân trại 2, Trại giam H; địa chỉ trụ sở đóng tại xã H, huyện T, tỉnh Yên Bái; "Vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt".

3. Người phiên dịch tiếng Mông: Ông Hờ A H - Nơi cư trú thôn G, xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái; "Có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa chị Trang Thị C trình bày như sau:

- Quan hệ hôn nhân: Chị Trang Thị C và anh Giàng A X đến với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của người Mông, từ năm 2008; không có đăng ký kết hôn; trong quá trình chung sống anh X thường xuyên lấy tài sản của gia đình đi bán; mâu thuẫn của hai người đã được hai bên gia đình hoà giải, anh X cũng đã hứa sửa chữa, nhưng anh X không thay đổi, nên mâu thuẫn ngày càng lớn. Đến tháng 8 năm 2021 anh Giàng A X bị Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu xét xử về tội Trộm cắp tài sản, bị xử phạt 02 năm 06 tháng tù. Chị C không chấp nhận được những việc làm của anh X, chị C không còn quan tâm đến anh X nữa. Hiện nay anh X đang chấp án tại Trại giam H.

Nay chị C xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị C đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Giàng A X.

- Con chung: Tại biên bản hoà giải ngày 17-02-2023 chị Trang Thị C và anh Giàng A X thống nhất giữa hai người có 02 con chung là Giàng Thị P, sinh ngày 15-6-2009 và Giàng A T, sinh ngày 05-11-2015. Chị C và anh X thoả thuận giao cho chị Trang Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung. Anh Giàng A X không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Tại phiên toà chị C đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thoả thuận của chị và anh X về con chung.

- Tài sản chung và nợ chung: Chị Trang Thị C và anh Giàng A X thống nhất tự thỏa thuận chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và biên bản hoà giải anh Giàng A X trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: Giữa anh và chị C về chung sống với nhau từ năm 2008; không có đăng ký kết hôn. Anh và chị C chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì anh X bị bắt về tội "Trộm cắp tài sản" và bị Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái xử phạt 02 năm 06 tháng tù. Hiện nay X đã đi chấp hành án tại trại giam H được 01 năm 06 tháng. Do anh X phải chấp hành án nên không giúp đỡ chị C và gia đình. Anh X xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, nên chị C xin ly hôn anh không nhất trí ly hôn.

- Con chung: Tại biên bản hoà giải anh X nhất trí giao con chung cho chị C nuôi dưỡng.

- Tài sản chung và nợ chung: Anh Giàng A X và chị Trang Thị C thống nhất tự thỏa thuận chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu phát biểu quan điểm:

Tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng.

- Điều luật áp dụng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trang Thị C và anh Giàng A X.

- Con chung: Xét nguyện vọng của chị Trang Thị C và anh Giàng A X và nguyện vọng của các cháu Giàng Thị P, Giàng A T: Giao cho chị Trang Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Giàng Thị P, sinh ngày 15-6-2009 và Giàng A T, sinh ngày 05-11-2015. Anh Giàng A X không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Tài sản chung và nợ chung: Chị Trang Thị C và anh Giàng A X tự thỏa thuận chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí: Miễn án phí cho chị Trang Thị C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Tố tụng: Chị Trang Thị C khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn là quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên tòa vắng mặt anh Giàng A X, có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn là anh Giàng A X.

[2] Quan hệ hôn nhân: Chị Trang Thị C và anh Giàng A X chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008, không có đăng ký kết hôn; việc chung sống được thể hiện tại xác định thông tin về cư trú, giấy xác nhận tình trạng hôn nhân và lời khai của hai người. Quá trình chung sống chị C và anh X phát sinh mâu thuẫn, chị C có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh X, anh X không nhất trí. Do chị C và anh X không có đăng ký kết hôn, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân gia đình để tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trang Thị C và anh Giàng A X.

[3] Con chung: Thoả thuận của chị Trang Thị C và anh Giàng A X về con chung là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của 02 con, nên cần được ghi nhận. Cụ thể: Giao cho chị Trang Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Giàng Thị P, sinh ngày 15-6-2009 và Giàng A T, sinh ngày 05-11-2015. Anh Giàng A X không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Giàng A X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Chị Trang Thị C và anh Giàng A X chưa yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí: Chị Trang Thị C và anh Giàng A X là người dân tộc thiểu số, sống ở xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, chị C có đơn đề nghị được miễn án phí. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 6 Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí cho các đương sự.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 262; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trang Thị C và anh Giàng A X.

2. Con chung: Ghi nhận sự thoả thuận của chị Trang Thị C và anh Giàng A X như sau: Giao cho chị Trang Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Giàng Thị P, sinh ngày 15-6-2009 và Giàng A T, sinh ngày 05-11-2015. Anh Giàng A X không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Giàng A X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Trang Thị C và anh Giàng A X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Trạm Tấu;
- Chi cục THADS huyện Trạm Tấu;
- UBND xã B;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu Hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Vũ Xuân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Trạm Tấu;
- Chi cục THADS huyện Trạm Tấu;
- UBND xã Bản Mù;
- UBND xã Pá Hu;
- Các đương sự;
- Lưu Hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Vũ Xuân